

SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG GẮN VỚI NÂNG CAO NĂNG SUẤT: TỪ LÝ LUẬN C.MÁC ĐẾN THỰC TIỄN VIỆT NAM HIỆN NAY

★ TS PHẠM ANH HÙNG

*Viện Triết học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Lao động, dân số và “đội quân dự bị công nghiệp” là những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay. Bài viết phân tích cơ sở lý luận của C.Mác về lao động và chuyển dịch cơ cấu, từ đó vận dụng hiệu quả vào thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới.

● **Từ khóa:** chuyển dịch cơ cấu lao động; nâng cao năng suất lao động; C.Mác; Việt Nam; kỷ nguyên phát triển mới.

1. Mở đầu

Khi phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C.Mác quan tâm đến hiện tượng đặc biệt trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là luôn tồn tại một lượng lao động dư thừa mà ông gọi là *đội quân dự bị công nghiệp*. Đội quân này được hình thành trực tiếp từ sự phát triển lực lượng sản xuất (khi khoa học, công nghệ, năng suất lao động tăng lên) dẫn đến hiện tượng một bộ phận lao động đứng ngoài quá trình sản xuất. C.Mác chỉ ra, nguyên nhân và bản chất của hiện tượng này phải tìm trong chính phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hay nói cách khác là trong nền kinh tế thị trường của chế độ tư bản.

Phân tích toàn diện nền kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản, C.Mác dành sự chú ý đặc biệt đến quá trình cạnh tranh, theo đuổi giá trị thặng dư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo của kinh tế thị trường trong chế độ tư bản chủ nghĩa và sự hình

thành đội quân dự bị công nghiệp. Điều này có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với Việt Nam trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

2. Nội dung

2.1. Quan hệ giữa dân số, đội quân dự bị công nghiệp và năng suất lao động trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

C.Mác phân tích mối quan hệ giữa dân số và đội quân dự bị công nghiệp gắn với nâng cao năng suất lao động trong Quyển 1 của bộ *Tư bản*. Ông coi dân số là nhân tố cơ bản của tồn tại xã hội, đồng thời khẳng định dân số có mối quan hệ mật thiết với quan hệ sản xuất. Ông cho rằng, trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, năng suất lao động không ngừng được nâng cao, nó vừa là kết quả, vừa là động lực của quá trình tích lũy tư bản, phục vụ cho tái sản xuất mở rộng.

Khi phân tích tích lũy tư bản, C.Mác đã đề xuất một khái niệm khoa học là “dân số thừa tương đối” (hay còn gọi là “quân dự bị công nghiệp”). C.Mác viết: “Việc tạo ra nhân khẩu thừa không tách rời sự phát triển của năng suất lao động và được sự phát triển này, thể hiện ra ở sự giảm sút tỷ suất lợi nhuận, đẩy nhanh lên. Trong một nước mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa càng phát triển thì nhân khẩu thừa tương đối lại càng bộc lộ rõ rệt. Ngược lại, chính nhân khẩu thừa tương đối này lại là nguyên nhân làm cho, một mặt, trong nhiều ngành sản xuất vẫn tiếp tục tồn tại cái tình trạng lao động bị lệ thuộc vào tư bản với một mức độ ít nhiều không hoàn toàn, hơn nữa lại tiếp tục tồn tại trong một thời gian dài đến nỗi là khi mới thoát nhìn, người ta thấy tình trạng đó hình như là không phù hợp với mức phát triển chung”⁽¹⁾.

Như vậy, đối với C.Mác, dư thừa lao động (hay đội quân dự bị công nghiệp) là chìa khóa để đi sâu tìm hiểu bản chất, động cơ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Một là, dư thừa lao động là vấn đề có tính bản chất của nền kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản

C.Mác không phải là nhà dân số học theo nghĩa chuyên ngành. Ông đặt dân số trong mối liên hệ với quan hệ sản xuất và quan tâm đến phương diện sức lao động - tức là khả năng lao động ẩn chứa trong quy mô và cơ cấu dân số của một quốc gia. Đó chính là phần sức lao động trong nguồn nhân lực có khả năng tham gia sản xuất, tạo ra nhiều giá trị thặng dư và tăng khả năng tích lũy tư bản. Không có khả năng tạo ra giá trị thặng dư và không thể tích lũy tư bản từ nguồn nhân lực đang có, họ sẽ bị đẩy ra khỏi guồng máy sản xuất để hình thành lực lượng lao động dự bị.

C.Mác chỉ ra rằng, đội quân dự bị công nghiệp là kết quả phản ánh một loạt những nguyên nhân trước đó, gồm: tăng năng suất lao động, tích lũy tư bản và tái sản xuất mở rộng. Phân tích sâu hơn vào mối liên hệ nhân quả, ông khẳng định năng suất lao động tăng khi người lao động có sự kết hợp hiệu quả nhất với tư liệu sản xuất, mang lại lợi nhuận tối đa cho nhà tư sản. Động cơ lợi nhuận buộc nhà tư sản phải nắm bắt nhu cầu xã hội, khai thác triệt để sức lao động và tư liệu sản xuất để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra giá trị thặng dư, từ đó tích lũy tư bản để tái sản xuất và mở rộng sang các lĩnh vực mới.

Trong quá trình cạnh tranh, nhà tư bản buộc phải nâng cao năng suất, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, liên tục tái sản xuất mở rộng, tăng quy mô sản xuất và giảm chi phí, kể cả chi phí hao mòn máy móc và tiền lương trả người lao động. Khi lực lượng lao động dư thừa gia tăng, áp lực cạnh tranh việc làm ngày càng tăng lên, buộc người lao động phải nỗ lực học tập, tự đào tạo và phải chấp nhận dịch chuyển sang lĩnh vực mới. Chính quá trình này đã hình thành nguồn nhân lực dự bị sẵn có, phục vụ cho các doanh nghiệp khi họ tái sản xuất mở rộng sang lĩnh vực mới.

Tuy nhiên, sự tồn tại một đội quân dự bị công nghiệp là hệ quả tất yếu của sự vận hành nền kinh tế thị trường trong chế độ chính trị tư bản chủ nghĩa. Lực lượng này vừa là nguồn lao động sẵn có khi mở rộng sản xuất, vừa là công cụ để gây sức ép với những người đang có việc làm, bởi quy cơ thất nghiệp luôn hiện hữu, tiền lương bị kìm hãm.

Như vậy, thất nghiệp không phải là hiện tượng tạm thời, mà đã trở thành một đặc điểm thường trực của chủ nghĩa tư bản. C.Mác chỉ ra rằng, khi mâu thuẫn của quá trình tích lũy tư bản: khoa học, công nghệ vừa thúc đẩy mở rộng sản xuất, vừa làm trầm trọng thêm sự tồn tại của

đội quân dự bị công nghiệp. Sự năng động trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ giúp các doanh nghiệp tư bản nâng cao năng suất lao động. Khi máy móc được đổi mới, doanh nghiệp có thể chủ động mở rộng sản xuất, chiếm lĩnh thị trường để gia tăng giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối.

Sự hình thành đội quân dự bị công nghiệp tuy không được hấp thụ ngay bởi dây chuyền công nghệ cũ đều có thể trở thành nguồn cung ứng kịp thời cho các lĩnh vực tái sản xuất mở rộng của doanh nghiệp. Vì thế, chuẩn bị đội quân dự bị công nghiệp phù hợp với yêu cầu của sự phát triển khoa học, công nghệ chính là yếu tố then chốt quyết định thành công của doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện đại.

Việc đội quân dự bị công nghiệp chỉ là lao động giản đơn có thể sẽ làm trầm trọng hơn tình trạng thất nghiệp trong bối cảnh của khoa học, kỹ thuật phát triển. C.Mác gọi đây là tình trạng dư thừa nguồn nhân lực tương đối. Khi khoa học, công nghệ phát triển, những lao động sử dụng sức lao động thủ công, trực quan được sẽ bị đẩy khỏi guồng máy sản xuất. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật thường đi nhanh hơn khả năng đào tạo, bồi dưỡng và tái bố trí việc làm, khiến đội quân thất nghiệp càng phình to. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật đã trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nhưng nó lại làm cho lực lượng này bị gạt ra ngoài lề nhiều hơn, trở thành gánh nặng xã hội. Mức sống thấp của đội quân dự bị công nghiệp là chỉ số phát triển thiếu bền vững của khối doanh nghiệp tư nhân.

Hai là, hiện trạng của đội quân dự bị công nghiệp phản ánh mức độ phát triển và tính chất sự phát triển của nền kinh tế thị trường

Ứng dụng khoa học, công nghệ và quá trình nâng cao năng suất lao động luôn dẫn đến sự dư

thừa một bộ phận lao động. Khả năng sử dụng lực lượng lao động dư thừa này phản ánh năng lực sáng tạo, khả năng tái sản xuất mở rộng của các doanh nghiệp tư bản, đồng thời phản ánh trình độ phát triển và năng suất lao động toàn xã hội. C.Mác viết: "...tích lũy tư bản chủ nghĩa không ngừng sản xuất ra, và hơn nữa lại sản xuất ra một cách tỷ lệ với tinh lực và quy mô của nó, một nhân khẩu công nhân thừa tương đối, tức là thừa so với nhu cầu trung bình của việc tăng lên của tư bản, và do đó, là nhân khẩu công nhân thừa, hay là nhân khẩu công nhân phụ thêm"⁽²⁾.

Đó không phải là tình trạng "thừa" một cách tự nhiên, mà là chỉ báo phản ánh khả năng tích lũy tư bản và mức độ sáng tạo của doanh nghiệp trong quá trình tái sản xuất mở rộng. Các doanh nghiệp thường tìm cách để sử dụng lực lượng lao động dư thừa này trong những lĩnh vực, ngành nghề mới, nhằm tạo ra nhiều giá trị thặng dư hơn. "Một số công nhân nhất định có thể tăng con số của họ lên nhanh tới mức nào (...) điều đó phụ thuộc vào *năng suất lao động* của họ. Họ sản xuất nguyên vật liệu, công cụ lao động và tư liệu sinh hoạt càng nhiều, thì họ lại càng có nhiều phương tiện hơn để không những nuôi dưỡng con cái của họ trong lúc bản thân chúng còn chưa thể lao động được, mà còn để thực hiện lao động của thế hệ mới lớn lên và do đó làm cho việc tăng dân số và tăng sản xuất đồng nhất với nhau, và thậm chí còn phát triển sản xuất với một mức độ còn lớn hơn là mức độ tăng dân số, bởi vì cùng với việc tăng dân số thì tài nghệ của người công nhân, sự phân công lao động, khả năng sử dụng máy móc, tư bản bất biến cũng đều tăng lên, - nói tóm lại là năng suất lao động sẽ tăng lên"⁽³⁾.

C.Mác nhấn mạnh, "ta thấy rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa càng phát triển, thì nó

đòi hỏi phải có một lượng tư bản ngày càng lớn hơn để sử dụng cũng một số lượng sức lao động như cũ, và để sử dụng một sức lao động ngày càng tăng thì lại càng cần nhiều tư bản hơn nữa. Thế là trên cơ sở tư bản chủ nghĩa, sự tăng lên của năng suất lao động nhất định phải dẫn tới một tình trạng nhân khẩu công nhân hình như là thường xuyên bị thừa⁽⁴⁾.

Giữa tăng dân số và năng suất lao động là mối quan hệ quy định, chi phối và làm tiền đề cho nhau. “Nếu như việc tăng dân số phụ thuộc vào năng suất lao động, thì năng suất lao động cũng phụ thuộc vào việc tăng dân số. Ở đây có sự tác động qua lại. Nhưng, nói theo lối tư bản chủ nghĩa thì điều đó có nghĩa là tư liệu sinh hoạt của dân số lao động phụ thuộc vào năng suất của tư bản, vào chỗ một bộ phận sản phẩm càng lớn càng tốt của công nhân đối lập với họ với tư cách là một lực lượng chỉ huy lao động của họ⁽⁵⁾. Vì vậy, C.Mác kết luận: bản chất của sản xuất tư bản chủ nghĩa là luôn tồn tại tình trạng thất nghiệp và dư thừa lao động.

2.2. Vấn đề dư thừa lao động và quá trình chuyển dịch cơ cấu và tăng năng suất lao động trong nền kinh tế thị trường hiện đại

Thực tiễn phát triển thành công của nhiều nền kinh tế thị trường có một đặc điểm chung là sự kết hợp hài hòa giữa việc thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất với việc đổi mới, hoàn thiện quan hệ sản xuất, từ đó tạo động lực nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Chẳng hạn, ở Nhật Bản, sau Chiến tranh thế giới thứ II, Nhật Bản tập trung phát triển nền kinh tế thị trường, đã tìm cách ứng dụng công nghệ tiên tiến từ Mỹ và châu Âu, đồng thời cải cách quan hệ sản xuất theo hướng gắn bó lâu dài giữa doanh nghiệp và người lao động, phân chia lợi ích hợp lý. Nhờ đó, Nhật Bản đã tạo nên

“kỳ tích kinh tế” được thế giới công nhận. Trong giai đoạn 1950 - 1970, Chính phủ Nhật Bản đẩy mạnh công nghiệp hóa giúp năng suất tăng nhanh. Ở giai đoạn đầu, do dư thừa lao động trong nông nghiệp, Chính phủ đã ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, mở rộng quy mô sản xuất và thu hút lao động nông thôn ra thành thị. Đây chính là động lực tạo nên kỳ tích Nhật Bản.

Tuy nhiên, chính quá trình công nghiệp hóa nhanh và năng suất lao động tăng cao lại kéo theo nhiều hệ quả xã hội. Tốc độ hiện đại hóa buộc người lao động phải liên tục đào tạo lại, trong khi lao động nữ và lao động nông thôn gặp khó khăn trong thích ứng. Áp lực công việc và chi phí sinh hoạt cao khiến nhiều người trẻ trì hoãn hôn nhân, sinh con, dẫn đến tỷ lệ sinh giảm mạnh và mất cân đối trong cơ cấu lao động. Lực lượng lao động trực tiếp sản xuất giảm nhanh, trong khi lao động dịch vụ tăng, nhưng nền kinh tế lại không tạo đủ việc làm chất lượng cao cho toàn bộ lực lượng lao động.

Trong giai đoạn 1960 - 1990, Chính phủ Hàn Quốc tập trung điều chỉnh quan hệ sản xuất thông qua chính sách công nghiệp định hướng xuất khẩu, đồng thời thúc đẩy hiện đại hóa công nghệ. Nhờ đó, năng suất lao động tăng nhanh, giúp đất nước vươn lên trở thành thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Bằng chiến lược công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu, lấy các tập đoàn chaebol (Samsung, Hyundai, LG...) làm hạt nhân, đã thu hút lượng lớn lao động nông nghiệp dư thừa vào khu vực công nghiệp và đô thị. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu dân số và lao động với tốc độ cao. “Kỳ tích sông Hàn” được thiết lập dựa trên nền tảng lao động cường độ cao và thời gian làm việc kéo dài. Tuy

nhiên, khi tự động hóa và công nghệ hiện đại được áp dụng sâu rộng, hiện tượng mất cân đối thị trường lao động bắt đầu xuất hiện: lao động phổ thông khó tìm được việc làm trong khi doanh nghiệp lại cần lao động tay nghề cao. Hiện nay, chi phí giáo dục và nhà ở cao khiến nhiều người trẻ Hàn Quốc không muốn kết hôn và sinh con, trong khi hiện tượng già hóa dân số đang diễn ra nhanh. Hệ quả là Hàn Quốc đang thiếu hụt trầm trọng lao động trẻ làm việc trong những lĩnh vực như xây dựng, nông nghiệp, ngư nghiệp và sản xuất giản đơn.

Việt Nam hiện nay đang trong giai đoạn dân số vàng, với quy mô và tốc độ gia tăng lực lượng lao động lớn. Tuy nhiên, số việc làm chính thức vẫn chưa tương xứng, trong khi tỷ lệ lao động phi chính thức cao. Chỉ khoảng 27 - 28% lao động có bằng cấp hoặc chứng chỉ⁽⁶⁾. Phần lớn lao động được đào tạo ngắn hạn (dưới 3 tháng) hoặc qua hình thức đào tạo tại chỗ, thiếu kỹ năng thực hành hoặc chuyên môn sâu. Điều đó cho thấy nguồn nhân lực dư thừa - “đội ngũ lao động dự bị cho công nghiệp” của Việt Nam còn rất lớn. Thực tế này đặt ra yêu cầu đối với Chính phủ trong việc khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là các ngành có khả năng hấp thụ nhiều lao động, như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch và logistic.

Trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tình trạng dư thừa lao động vẫn diễn ra ở nhiều ngành và địa phương. Thực trạng là khi người lao động chín muồi về kỹ năng và kinh nghiệm thì cũng là lúc họ đứng trước nguy cơ mất việc hoặc tự nghỉ việc⁽⁷⁾. Thực tế cho thấy, những mâu thuẫn cơ bản trong nền kinh tế thị trường, khi các doanh nghiệp chỉ đang chú trọng khai thác sức lao động để tạo giá trị thặng dư ngắn hạn, thay vì xây dựng chiến

lược chú trọng khai thác sức lao động dài hạn. Khi lao động không còn đáp ứng yêu cầu sản xuất, doanh nghiệp dễ dàng loại bỏ và thay thế, làm gia tăng bất ổn trong thị trường lao động.

Tình trạng mất cân đối nhân lực theo ngành nghề, vùng miền diễn ra ngày càng phổ biến. Lao động trẻ, dù còn nhiều cơ hội để học tập, nâng cao khả năng lao động lại tập trung ở những ngành nghề có yêu cầu kỹ năng thấp và phân bố không đều giữa các địa phương. Ngược lại, những lĩnh vực đòi hỏi trình độ cao như công nghệ, quản trị, dịch vụ chất lượng cao lại thiếu nghiêm trọng nhân lực có chuyên môn. Bên cạnh đó, một bộ phận lao động phổ thông và lao động đã qua đào tạo vẫn không đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, do ngành nghề đào tạo không phù hợp hoặc kỹ năng chưa đạt chuẩn.

2.3. Định hướng giải pháp từ vấn đề lao động dự bị, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam

Đảng ta nhấn mạnh mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật thị trường, đồng thời bảo đảm sự quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực tư nhân vẫn là lực lượng năng động nhất của nền kinh tế. Họ tự bỏ vốn, chấp nhận rủi ro trong đầu tư sản xuất, tìm cách giảm chi phí, mở rộng thị trường, liên tục đổi mới sáng tạo để cạnh tranh.

Hiện nay, kinh tế tư nhân ở Việt Nam gồm hai bộ phận chính: bộ phận sản xuất nhỏ (hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ, buôn bán nhỏ, dịch vụ gia đình, sản xuất nhỏ - chưa phải quan hệ tư bản đầy đủ); bộ phận kinh tế tư bản tư nhân (tổ chức theo quan hệ tư bản). Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân sẽ tạo thêm nhiều việc làm, tăng nhu cầu về lao động, qua đó góp phần giải

quyết vấn đề lao động dư thừa và đội ngũ lao động dự bị hiện nay.

Giải quyết việc làm cho lao động dự bị ở Việt Nam hiện nay là thước đo sự phát triển của kinh tế tư nhân, phản ánh năng lực vươn lên và sức sống của thành phần kinh tế này. Về trình độ phát triển, ở các quốc gia công nghiệp phát triển, tỷ lệ thất nghiệp thường gắn với chu kỳ kinh tế và quá trình tái cấu trúc lao động, khi nguồn nhân lực được chuyển dịch sang các lĩnh vực công nghệ cao. Ngược lại, ở những quốc gia đang phát triển hoặc đang trong tiến trình công nghiệp hóa, tình trạng dư thừa lao động chủ yếu xuất hiện ở khu vực nông nghiệp và lao động phi chính thức, thiếu việc làm. Như vậy, đối với Việt Nam, nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy phát triển kinh tế tư

nhân, tạo điều kiện để khu vực này thu hút lao động từ khu vực phi chính thức hoặc thiếu việc làm vào sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh và xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

Việt Nam đang thể hiện quyết tâm lớn trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất lao động. Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế đã dẫn đến sự phân hóa lực lượng lao động và tất yếu hình thành lực lượng lao động dự bị. Trong thực tế, lượng lao động dự bị ở Việt Nam có xu hướng gia tăng, tạo áp lực lớn đến khả năng tái sản xuất mở rộng của doanh nghiệp.

Theo Văn phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trong giai đoạn 2020

- 2030, mỗi năm, nền kinh tế sẽ đóng góp từ 7-16,5% vào tổng tăng năng suất lao động của Việt Nam. Điều này phản ánh vai trò ngày càng tăng của công nghệ số trong việc nâng cao năng suất lao động⁽⁸⁾. Năm 2023, năng suất lao động bình quân ở Việt Nam đạt khoảng 199,3 triệu VND/lao động (≈ 8.380 USD), tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều so với các quốc gia ở khu vực: Trung Quốc (≈ 26.000 USD), Thái Lan (≈ 16.000 USD), Hàn Quốc (≈ 79.000 USD), Xinhgapo (≈ 87.000 USD)⁽⁹⁾. Nhiều doanh

Việt Nam đang thể hiện quyết tâm lớn trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất lao động. Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế đã dẫn đến sự phân hóa lực lượng lao động và tất yếu hình thành lực lượng lao động dự bị.

nh nghiệp như Viettel, FPT, VNPT... đã áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT) để thúc đẩy năng suất lao động, nhưng chỉ có khoảng 15% doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam triển khai các ứng dụng số cơ bản; dưới 3% có kế

hoạch đầu tư hệ thống trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hay sản xuất thông minh⁽¹⁰⁾.

Trong quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam, lượng lao động thừa gây ra thách thức rất lớn, đó là lao động trong nông nghiệp và lao động không được đào tạo, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, đang đứng trước những thách thức từ việc hiện đại hóa và phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Trong số lao động được đào tạo, nhóm sinh viên chưa đáp ứng được các điều kiện của lao động trong môi trường số cũng rất cao⁽¹¹⁾.

Chuyển đổi số hiện nay đang tác động đến mọi ngành nghề và lĩnh vực ở Việt Nam. Thống kê cho thấy, 54% lao động thiếu kỹ năng số cần được đào tạo trong năm 2025. Các lao động phổ thông, trung niên và thậm chí người già gặp khó

khẩn trọng thích nghi với trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và tự động hóa⁽¹²⁾. Việt Nam đang phát triển rất nhiều ngành thâm dụng lao động như may mặc, lắp ráp điện tử, chế biến gỗ, logistics... Trong đó, nhiều công ty trong các ngành này lại là công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tự động hóa, rôbot và trí tuệ nhân tạo đang được ứng dụng trong nhiều công đoạn sản xuất, khiến các công ty thâm dụng nhiều lao động có xu hướng thu hẹp quy mô sản xuất. Điều này đã đẩy một lượng lao động của Việt Nam trở thành nguồn nhân lực dư thừa.

Việt Nam đang tích cực thúc đẩy chuyển đổi số trong cả hoạt động kinh tế và quản lý nhà nước. Quá trình này diễn ra nhanh chóng và thường xuyên, kéo theo những thay đổi sâu sắc trong cách thức vận hành bộ máy và nền kinh tế. Chuyển đổi số đòi hỏi nguồn nhân lực phải có kỹ năng số, ngoại ngữ và tư duy sáng tạo, những năng lực không thể hình thành trong thời gian ngắn. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo còn khiến yêu cầu về kỹ năng số thay đổi liên tục, tạo ra áp lực cho giáo dục và đào tạo kỹ năng số ở Việt Nam. Do vậy, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nhóm, lao động có trình độ cao thích ứng nhanh và có cơ hội tăng thu nhập, còn lao động kỹ năng thấp lại dễ bị “bỏ lại phía sau”.

3. Kết luận

Công cuộc đổi mới năm 1986 với chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã mở đường cho sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, đồng thời tạo điều kiện phát huy hiệu quả nguồn nhân lực dư thừa trong xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, việc phát huy vai trò của kinh tế tư nhân không chỉ nhằm thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số, mà còn để tăng khả năng hấp thụ lao động, góp phần ổn định và phát triển thị trường việc làm. Để làm được điều đó, cần có sự phối

hợp và chia sẻ trách nhiệm giữa Đảng, Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp. Chỉ khi có sự đồng hành này, chúng ta mới có thể chuyển hóa động lực của kinh tế tư nhân thành động lực kinh tế - kỹ thuật, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam □

Ngày nhận bài: 25-9-2025; Ngày bình duyệt: 20-11-2025; Ngày duyệt đăng: 27-11-2025.

Email của tác giả: hungchmnpa@gmail.com

(1), (4), (5) C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.25, phần 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.358-359, 339, 336.

(2) C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.23, Sđd, tr.887.

(3) C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.26, Sđd, tr.336.

(6) Xem thêm: *Báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển và sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”* - Báo cáo số 1385/BC-ĐGS ngày 6-8-2025.

hoặc: Việt Thắng: *Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 đạt 28,3%*, <https://daidoanket.vn>, ngày 11-8-2025.

(7) *Khoảng trống lao động sau tuổi 35* (kỳ 1), <https://nhandan.vn>, ngày 17-4-2025.

(8) Lan Anh: *Applying Digital Technology to Improve Labor Productivity*, <https://vccinews.com>, ngày 05-6-2020.

(9), (10) Minh Thu: *Ứng dụng công nghệ: Đòn bẩy đột phá nâng năng suất lao động*, <https://doanhnghiepv.vn>, ngày 27-5-2025.

(11) Anh Huy: *Khoảng 30% sinh viên tốt nghiệp không làm việc trong lĩnh vực được đào tạo*, <https://laodong.vn>, ngày 07-7-2025.

(12) *Thị trường việc làm trong con lốc AI*, <https://laodong.vn>, ngày 27-8-2025.